

Số: /2023/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra số .../BC-KTNS ngày... tháng năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Bãi bỏ Chương III Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành “Quy định quản lý và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương” từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khóa XVII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày...tháng... năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo HD, Đài PT&TH Hải Dương;
- Trung tâm CNTT-VP UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

## QUY ĐỊNH

**Định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../2023/NQ-HĐND  
ngày .../...../2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Các nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2023/TT-BTC), Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2023/TTBKHCN).

b) Các nguồn kinh phí khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn kinh phí đó; khuyến khích các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định này.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại quy định này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 3. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

**Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

**1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ và theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa không quá 40 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và tối đa không quá 28 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Hệ số lao động khoa học của các chức danh được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

c) Định mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định mức thanh toán tiền thù lao của các nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tiền công thuê lao động phổ thông (nếu có) phù hợp với thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ.

**2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu**

**a) Thuê chuyên gia trong nước**

Định mức lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 quy định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học

và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Định mức lập dự toán chi thuê chuyên gia ngoài nước thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 quy định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Việc xác định các trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia vượt mức quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

3. Dự toán chi mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu...; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do NSNN hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hải Dương quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí và các quy định liên quan khác. Ngoài ra, quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	2.000	1.400
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	500	350
3	Báo cáo viên trình bày tại	Báo cáo	3.000	2.100

	hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học			
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.500	1.050
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	300	210

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính.

6. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 quy định này và cụ thể mức chi như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	<b>Chi hợp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b>	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		900	630
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		750	525
	Thư ký khoa học		150	105
	Thư ký hành chính		150	105
	Đại biểu được mời tham dự		100	70
2	<b>Chi nhận xét đánh giá</b>	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	245
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	350

### 7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, không quá 210 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

### **Điều 5. Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

### **Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
<b>1</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.500	1.050
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000	700
	Thư ký khoa học		300	210
	Thư ký hành chính		300	210
	Đại biểu được mời tham dự		200	140
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	490
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất	Nhiệm vụ		

	thực hiện			
	Chủ tịch hội đồng		700	490
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500	350
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.800	1.260
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.500	1.050
	Thư ký khoa học		300	210
	Thư ký hành chính		300	210
	Đại biểu được mời tham dự		200	140
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700	490
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000	700
<b>3</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.800	1.260
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.500	1.050
	Thư ký khoa học		300	210
	Thư ký hành chính		300	210
	Đại biểu được mời tham dự		200	140
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700	490
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000	700
<b>4</b>	<b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng</b>	<b>Chuyên gia</b>	<b>1.500</b>	<b>1.050</b>



b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại các Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mức chi cụ thể quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy định này.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000	700
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	490
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	210
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	140

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

a) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 05 lần mức chi thù lao đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và tối đa bằng 03 lần mức chi thù lao đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

5. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh

Hải Dương về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mức chi cụ thể quy định tại khoản 6, Điều 4 Quy định này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4, Điều 4 Quy định này.

7. Đối với hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh: Mức chi cho các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Hội đồng được áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

8. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (điện, nước, xăng xe, văn phòng phẩm...) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành.

### **Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

### **Điều 8. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn kinh phí cho lĩnh vực khoa học và công nghệ do ngân sách nhà nước đảm bảo (kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ).

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác thực hiện theo quy định của pháp luật./.

**CHỦ TỊCH**